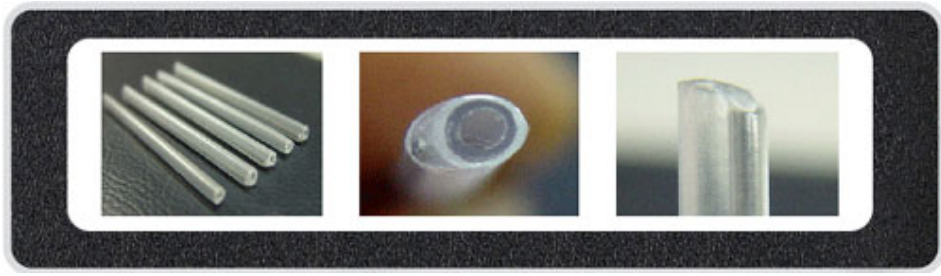


# ỐNG CO NHIỆT

BẢO VỆ AN TOÀN MỐI HÀN SỢI QUANG



## 1- TÍNH NĂNG ĐẶC TRƯNG:

- Dễ dàng sử dụng và lắp đặt nhanh.
- Bảo vệ an toàn cho mối hàn sợi quang sau khi hàn nối.
- Nhiệt độ và độ ẩm không phụ thuộc nhau.

## 2- CẤU TRÚC TIÊU CHUẨN:

- Có 3 lớp : Ống vỏ trong – Lõi inox chịu lực ( thép không gỉ ), màu bạc - Ống vỏ co nhiệt ngoài.
- 2 đầu đều bóp lại để trong quá trình vận chuyển không rơi lõi thép ra bên ngoài.
- Ống vỏ trong : Vật liệu nhựa - chất dính dẻo Ethylene Vinyl Acetate (EVA Resin Adhesive), màu trong suốt.
- Ống vỏ ngoài : Tỷ lệ co 2:1 , Vật liệu nhựa trong polyolefin, màu trong suốt. Đảm bảo đường kính vỏ ngoài tất cả các loại ống co nhiệt sau khi kho nhiệt  $\leq 3\text{mm}$

## 3- QUY CÁCH SẢN PHẨM

CHỦNG LOẠI.	Lõi inox chịu lực Đường kính / độ dày (mm)	Đường kính vỏ trong/ độ dày (mm)	Đường kính vỏ ngoài / Độ dày (mm)	Chiều dài (mm)
HS60	$\Phi 1.5 * 55 \pm 0.3$	$1.8 \pm 0.5 / 0.5 \pm 0.1$	$3.0 \pm 0.5 / 0.17 \pm 0.05$	$60 \pm 0.5$
HS40	$\Phi 1.5 * 38 \pm 0.3$	$1.8 \pm 0.5 / 0.5 \pm 0.1$	$3.0 \pm 0.5 / 0.17 \pm 0.05$	$40 \pm 0.4$
HS60-2 (loại nhỏ)	$\Phi 1.0 * 55 \pm 0.3$	$1.5 \pm 0.5 / 0.5 \pm 0.1$	$2.5 \pm 0.5 / 0.17 \pm 0.05$	$60 \pm 0.5$
HS40-2 (loại nhỏ)	$\Phi 1.0 * 38 \pm 0.3$	$1.5 \pm 0.5 / 0.5 \pm 0.1$	$2.5 \pm 0.5 / 0.17 \pm 0.05$	$40 \pm 0.4$

## 4- BẢNG ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

Nhiệt độ khi gia nhiệt – co nhiệt	$90^{\circ}\text{C} \sim 120^{\circ}\text{C}$	Độ ẩm tương đối hoạt động	$\leq 90\%$
Tỉ lệ co ngót nhiệt theo tâm (%)	$>50\%$	Độ bền điện môi (kV/mm)	$\geq 20$
Tỷ lệ co ngót nhiệt theo hướng trục (%)	$<3\%$	Độ bền kéo (Mpa)	20
Đặc tính chịu đựng nhiệt thấp	Không bị nứt ở $-55^{\circ}\text{C}$ sau 4 giờ	Suy hao ở $-40^{\circ}\text{C}$	0.01dB
Nhiệt độ hoạt động bình thường ( $^{\circ}\text{C}$ )	$-40^{\circ}\text{C} \sim +65^{\circ}\text{C}$	Suy hao ở $+60^{\circ}\text{C}$ , RH95%	0.01dB